

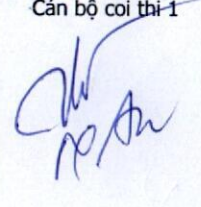
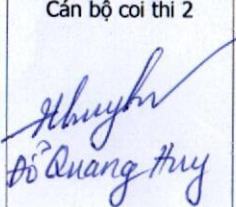
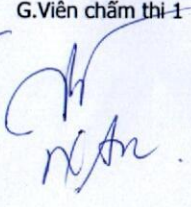
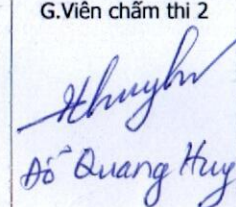
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

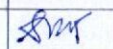
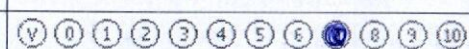
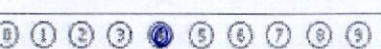
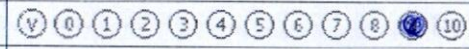
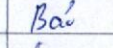
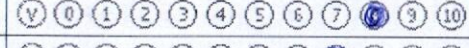
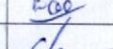
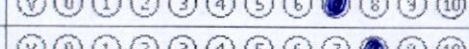
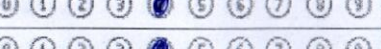
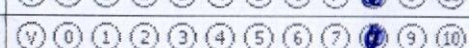
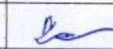
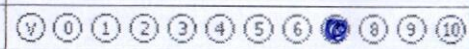
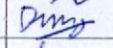
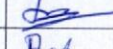
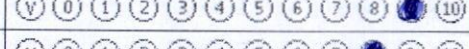
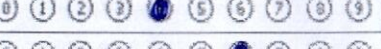
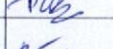
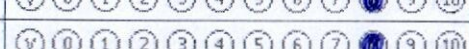
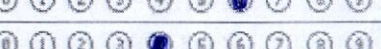
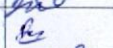
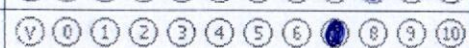
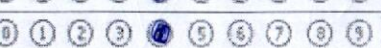
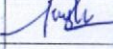
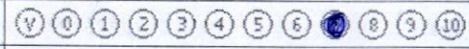
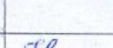
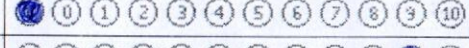
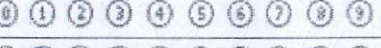
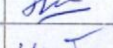
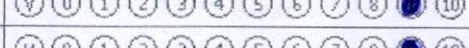
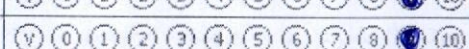
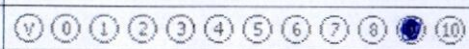
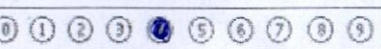
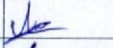
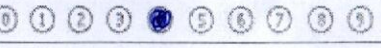
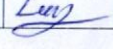
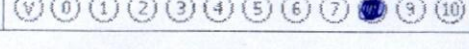
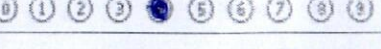
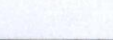
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh) (228249) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (280096)**

Số SV có mặt: 38
Số bài thi: 38
Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180070	CAO TUẤN ANH	11/11/2002	CCQ2018C				8.0	7.0	7.4		
2	2120180035	HUỖNH HOÀNG ANH	03/11/2002	CCQ2018B				10	9.0	9.4		
3	2120170073	NGUYỄN NGỌC BẢO	27/07/2002	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		
4	2120180076	NGUYỄN QUỐC BẢO	18/03/2002	CCQ2018C				8.0	7.0	7.4		
5	2120170042	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	12/07/2001	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		
6	2120180079	HUỖNH HỮU CƯỜNG	24/07/2002	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		
7	2120180037	NGUYỄN TRỌNG DINH	06/01/2002	CCQ2018B				8.0	7.0	7.4		
8	2120180072	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2002	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		
9	2120180038	ĐINH NHẬT TRƯỜNG DUY	15/05/2002	CCQ2018B	✓			10	9.0	9.4		
10	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B				9.5	8.0	8.6		
11	2120180080	DƯƠNG HUỖNH ĐỨC	10/01/2002	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		
12	2120170394	PHAN HUỖNH ĐỨC	30/11/2002	CCQ2018C				8.0	7.0	7.4		
13	2120180042	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	17/02/2002	CCQ2018B				8.5	7.0	7.6		
14	2120180095	TRƯƠNG LÝ TUẤN HẢI	✓ 11/09/2001	CCQ2018C								
15	2120180081	NGUYỄN MINH HIẾU	06/11/2001	CCQ2018C				10	8.5	9.1		
16	2120180044	TRẦN QUANG HIẾU	04/02/2002	CCQ2018B				10	9.0	9.4		
17	2120180046	NGUYỄN VĂN HÒA	02/03/2002	CCQ2018B				10	9.0	9.4		
18	2120180082	LÊ ĐÌNH HUY HOÀN	30/10/2001	CCQ2018C				10	9.0	9.4		
19	2120180048	ĐINH VĂN HUY	12/10/2002	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
20	2120180090	NGUYỄN THANH LONG	26/01/2002	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

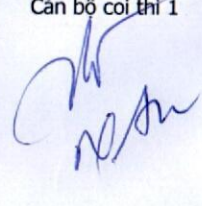
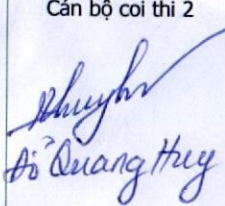
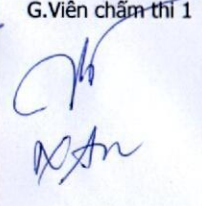
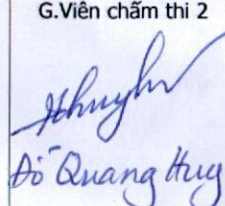
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh) (228249) - Nhóm 02**

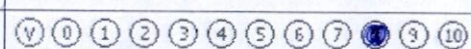
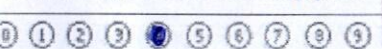
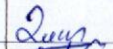
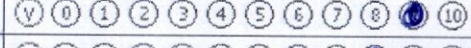
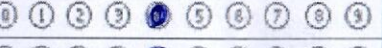
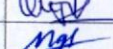
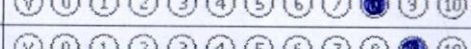
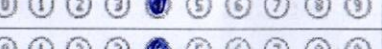
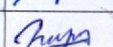
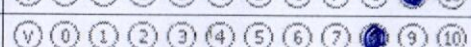
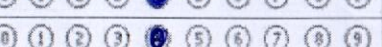
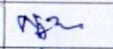
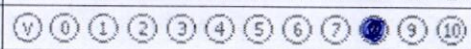
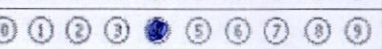
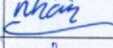
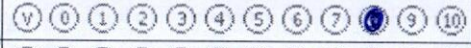
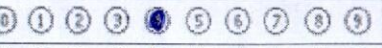
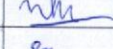
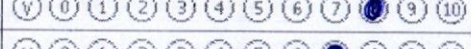
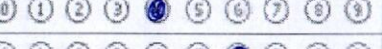
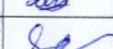
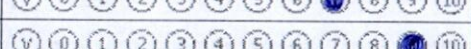
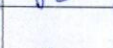
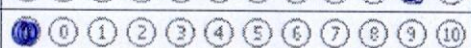
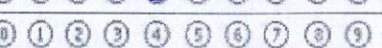
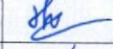
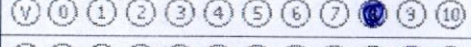
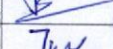
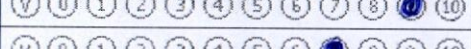
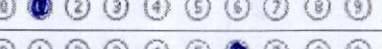
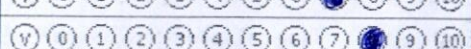
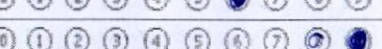
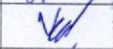
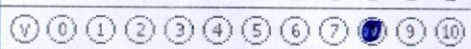
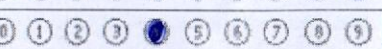
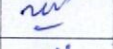
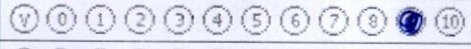
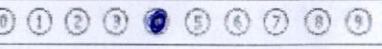
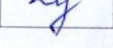
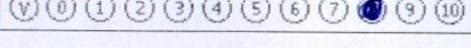
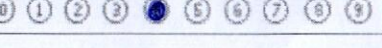
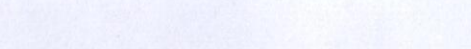
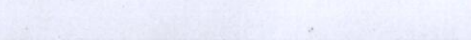
CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (280096)**

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 38

Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180051	LÊ MINH LỢI	30/05/2002	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
22	2120180052	LÊ PHI LUÂN	08/07/2002	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
23	2120180053	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/09/2002	CCQ2018B				10	9.0	9.4		
24	2120180092	LÊ HỒ QUANG NGHỊ	04/03/2002	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		
25	2120180091	NGUYỄN THẾ NGHĨA	20/05/1999	CCQ2018C				10	9.0	9.4		
26	2120180055	DÀ KRIÊNG HA NGÚY	02/02/2002	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
27	2120180093	NGUYỄN TRẦN TRỌNG NGUYÊN	13/08/2002	CCQ2018C				9.0	8.0	8.4		
28	2120180057	ĐÌNH THIÊN THIÊN NHÂN	24/01/2002	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
29	2120180056	PHẠM ĐÌNH NHÂN	04/07/2002	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
30	2120180060	LÊ VĂN SANG	19/05/2001	CCQ2018B				8.5	7.0	7.6		
31	2120180061	NGUYỄN THẾ SƠN	11/11/1999	CCQ2018B				10	9.0	9.4		
32	2120180062	NGUYỄN NHỰT TÂM	27/10/2000	CCQ2018B								
33	2120180063	HUỲNH VĂN THÍCH	26/03/2002	CCQ2018B				10	9.0	9.4		
34	2120180064	HỒ HUY THỌ	20/11/2002	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
35	2120170211	NGUYỄN VĂN TRỊ	02/10/2001	CCQ2018C				10	8.5	9.1		
36	2120180065	NGUYỄN TẤN TRỌNG	03/10/2002	CCQ2018B				8.5	7.0	7.6		
37	2120180067	NGUYỄN QUỐC VIỆT	25/02/1998	CCQ2018B				9.5	8.5	8.9		
38	2120180068	NGUYỄN XUÂN VINH	26/05/2000	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		
39	2120060054	ĐỖ HOÀNG ĐÌNH VŨ	14/12/2000	CCQ2018C				10	9.0	9.4		
40	2120180069	TRẦN TRỊNH ĐỨC Ý	02/10/2000	CCQ2018B				9.0	8.0	8.4		